



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Địa chỉ: Tầng 3 Trung tâm thương mại Sholega, 275 Lạch Tray - Hải Phòng

Điện thoại: (84-31) 3838680

Fax: (84-31) 3838033

Email: vipco.hp@vnn.vn

website: www.vipco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập:

Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I – theo quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29/9/2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001919 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/12/2005. Tổng số vốn điều lệ đến ngày 31/12/2009 là **598.077.850.000** đồng, trong đó nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
- Tên tiếng Anh: Vietnam Petroleum Transport Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VIPCO
- Địa chỉ: (trụ sở chính): Số 37 Phan Bội Châu-Quận Hồng Bàng-Hải Phòng
- Địa chỉ liên lạc: Tầng 3, TTTM Sholega-Số 275 Lạch Tray-Hải Phòng
- Điện thoại: (031) 383 8680
- Fax: (031) 383 8083
- Website: www.vipco.com.vn
- E-mail: vipco.hp@vnn.vn

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001919 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26/12/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 18/01/2008.

2. Niêm yết:

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh) theo Giấy phép niêm yết số 71/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/11/2006.

- Mã chứng khoán: VIP
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày giao dịch CP đầu tiên: 21/12/2006

- Số lượng CP niêm yết hiện tại: 59.807.785 cổ phiếu

3. Quá trình phát triển:

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- ✳ Vận tải ven biển và viễn dương;
- ✳ Đại lý vận tải đường biển, môi giới tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển, khai thuê hải quan;
- ✳ Kinh doanh khai thác cầu cảng;
- ✳ Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu;
- ✳ Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- ✳ Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng;
- ✳ Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- ✳ Hoạt động kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan;
- ✳ Cho thuê nhà, văn phòng;

3.2 Tóm tắt quá trình hoạt động:

- Ngày 22/7/1980, Bộ Vật Tư, nay là Bộ Công Thương có quyết định số 1683/VT- QĐ thành lập Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, tiền thân của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO ngày nay;

- Ngày 29/9/2005, Bộ Thương Mại nay là Bộ Công Thương có quyết định số 2439/QĐ-BTM chuyển đổi Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;

- Ngày 02/12/2005, đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO; ngày 26/12/2005, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần;

- Ngày 09/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép niêm yết số 71/UBCK-GPNY cho phép Công ty được niêm yết **35.100.000 cổ phiếu** trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM. Ngày 21/12/2006 cổ phiếu của Công ty lần đầu tiên được giao dịch;

- Ngày 11/04/2007, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM có quyết định số 21/QĐ-TTGDCK chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung **7.020.000 cổ phiếu** phát hành bổ sung tăng vốn điều lệ lên **421.200.000.000 đồng**. Ngày 19/4/2007 cổ phiếu phát hành bổ sung chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;

- Ngày 17/12/2007, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM có quyết định số 180/QĐ-SGDHCM chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung **17.687.785 cổ phiếu** phát hành bổ sung tăng vốn điều lệ lên **598.077.850.000 đồng**. Ngày 25/12/2007 cổ phiếu phát hành bổ sung chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM;

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

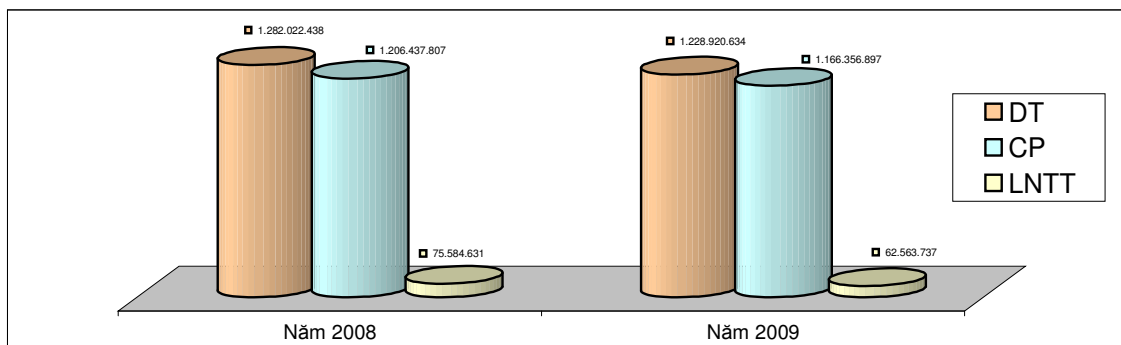
Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông một số nội dung sau:

1. Các sự kiện nổi bật trong năm 2009:

- ✿ Cúp vàng “Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam” năm 2009;
- ✿ Giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2009;
- ✿ Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2009;
- ✿ Bằng khen Bộ Công thương năm 2009;
- ✿ Cờ thi đua xuất sắc của UBND thành phố Hải Phòng năm 2009.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2009	SO SÁNH (%)	
				TH 2008	KH 2009
1	Sản lượng				
	Sản lượng vận chuyển	M3	3.444.131	110,97	97,46
	Sản lượng luân chuyển	M3.KM	6.046.846.208	114,07	95,87
	Sản lượng xuất bán XD	M3.T	81.337	119,15	138,61
2	Tổng doanh thu	1.000 đ	1.228.920.634	95,86	119,26
3	Giá vốn	1.000 đ	638.184.370	81,95	138,65
4	Tổng chi phí	1.000 đ	528.172.527	123,50	109,66
5	LN trước thuế (2-3-4)	1.000 đ	62.563.737	82,77	113,66



Biểu đồ kết quả kinh doanh của VIPCO năm 2008-2009

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

3.1 Đầu tư phát triển đội tàu:

Trong tháng 4/2009, Công ty đã chính thức hoàn thành thủ tục đầu tư tàu Petrolimex 15 và Petrolimex 16, cụ thể:

- Tàu Petrolimex 15 - 17.961 DWT: Cập cảng Nhà Bè ngày 27/4/2009. Sau khi hoàn thành các thủ tục nhập khẩu tàu theo quy định, tàu Petrolimex 15 đã tham gia vận chuyển hàng cho Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam theo hợp đồng định hạn.

- Tàu Petrolimex 16 - 46.732 DWT: Ngay sau khi nhận bàn giao, tàu Petrolimex 16 được ký hợp đồng cho thuê định hạn đến ngày 27/12/2009 với công ty SK Shipping - Hàn Quốc.

3.2 Đầu tư các dự án khác:

- Dự án Kho cảng Hóa dầu: Đã hoàn thành san lấp và kè bảo vệ bờ thuộc gói thầu số 01 và đang thi công gói thầu số 02 gồm bến xuất cho tàu 1.000 DWT, kè bảo vệ bờ và kè thượng hạ lưu. Hiện tại đã hoàn thành 80% khối lượng công việc gói thầu số 02; đang hoàn thiện các thủ tục để triển khai gói thầu số 03 xây dựng bến nhập xăng dầu cho tàu 40.000 DWT, dự kiến thực hiện trong quý 2/2010.

- Dự án Cảng container: Đã tiến hành san lấp, đang triển khai việc đấu thầu, dự kiến khởi công xây dựng trong quý 2/2010 và đưa vào vận hành khai thác giai đoạn 1 năm 2011.

- Dự án cao ốc 25 tầng tại 37 Phan Bội Châu: Đến nay đã thi công xong 34 cọc khoan nhồi, đã hoàn thành thi công 10 cọc barrette và tường vây, đang thi công sàn tầng hầm cuối cùng. Năm 2010 sẽ tiếp tục triển khai xây dựng phần thân.

- Dự án cao ốc 17 tầng tại 43 Quang Trung: Đã hoàn thiện các hạng mục xây dựng cuối cùng, đã tuyển dụng, đào tạo nhân sự và chính thức cho thuê vào quý 2/2010. Hiện tại Công ty đang tổ chức nghiệm thu và tiếp thị khách hàng, phần đầu năm 2010 lấp đầy 50% diện tích cho thuê.

- Dự án khu đô thị Anh Dũng VII: Đến nay, đã xây dựng được 27 biệt thự ghép, 01 biệt thự đơn lập tương đương 5.300 m². Hiện tại tổng quỹ đất còn lại khoảng trên 50%.

3.3 Thu xếp vốn cho các dự án:

- Năm 2009, Công ty tiếp tục tìm kiếm nhiều nguồn vốn để triển khai các dự án đầu tư, trong đó tiếp tục hợp tác với Công ty Thiên Lộc Phú, khả năng sẽ giải ngân đợt 1 vào cuối quý 2/2010.

- Công ty đang xúc tiến phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi khoảng 300 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án.

4. Những khoản đầu tư lớn năm 2009:

- ✳ Đầu tư tàu Petrolimex 15-17.961 DWT và Petrolimex 16-46.732 DWT;
- ✳ Đầu tư Cụm cảng Hoá dầu-Container VIPCO;
- ✳ Đầu tư xây dựng cao ốc 37 Phan Bội Châu - Hải Phòng;
- ✳ Đầu tư xây dựng cao ốc 43 Quang Trung - Hải Phòng.

5. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2010:

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt nam, dựa trên định hướng chiến lược dài hạn của VIPCO, Hội đồng quản trị đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2010 như sau:

- Chỉ đạo triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2010;
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung-dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Chuẩn bị nhân sự và xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015 và các nội dung lớn có liên quan đến Đại hội nhiệm kỳ II.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009:

1.1 Chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính năm 2009:

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2009	Năm 2008
<u>I. Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</u>			
<i>1. Cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	15,60	27,21
- Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	84,32	72,62
<i>2. Cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,13	45,70
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,45	53,68
<u>II. Khả năng thanh toán</u>			

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2009	Năm 2008
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,06	0,98
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,05	2,29
III. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	2,80	5,25
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	4,28	6,05
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	6,38	9,69

1.2 Những biến động lớn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty năm 2009:

- Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu tiếp tục gây ra những tác động khó lường về thị trường, tỷ giá, đầu tư và thương mại.

- Những biến động về tỷ giá giữa USD và VNĐ đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Giá dầu thô trên thị trường thế giới liên tục biến động, đã giảm mạnh từ cuối quý 4/2008 và xuống đáy 34,32 USD/thùng vào tháng 2/2009, sau đó tăng dần đến 79,05 USD/thùng vào tháng 12/2009 làm chi phí nhiên liệu tăng.

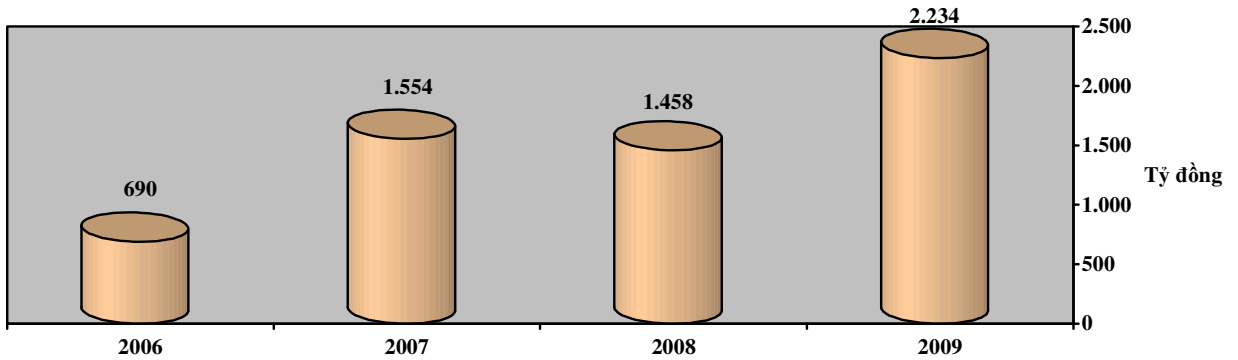
- Cạnh tranh trên thị trường vận tải biển ngày càng gay gắt, nguồn hàng ít, tàu dầu dư thừa, giá cước vận tải giảm mạnh.

- Sự cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu ngày càng lớn đặc biệt là các đơn vị như PV Oil, Petec, Công ty dịch vụ hàng hải...đang tập trung phát triển và mở rộng thị phần ở khu vực phía Bắc; chi phí hoạt động bán xăng dầu lớn trong khi phí hoa hồng đại lý thấp.

1.3 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2009	Tại 31/12/2008	So sánh (%)
A.TÀI SẢN	2.233.751.040.887	1.458.065.715.976	153,20
I. Tài sản ngắn hạn	348.533.404.583	396.754.682.199	87,85
II.Tài sản dài hạn	1.883.550.969.637	1.058.811.033.777	177,89
III. Lợi thế thương mại	1.666.666.667	2.500.000.000	66,67
B. NGUỒN VỐN	2.233.751.040.887	1.458.065.715.976	153,20
I. Nợ phải trả	1.410.199.116.271	666.343.717.889	211,63
II. Vốn chủ sở hữu	814.103.754.385	782.678.980.913	104,02
III.Lợi ích cổ đông thiểu số	9.448.170.231	9.043.017.174	104,48



Biểu đồ thay đổi giá trị tổng tài sản từ năm 2006 đến năm 2009

1.4 Những thay đổi về vốn cổ đông:

- Năm 2008 : 598.077.850.000 đồng
- Năm 2009 : 598.077.850.000 đồng

1.5 Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/3/2010:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 59.807.785 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 59.807.785 cổ phiếu
 Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 59.807.785 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 59.807.785 cổ phiếu
 Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào

1.6 Cổ tức trên mỗi cổ phiếu:

Ngày 16/3/2010, Hội đồng quản trị Công ty đã có Quyết định số 50/VP-QĐ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2009 6% bằng tiền mặt (600 đồng/cổ phiếu), cụ thể:

- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 29/3/2010
- Ngày đăng ký cuối cùng: 31/3/2010
- Ngày thanh toán: 20/4/2010

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực:

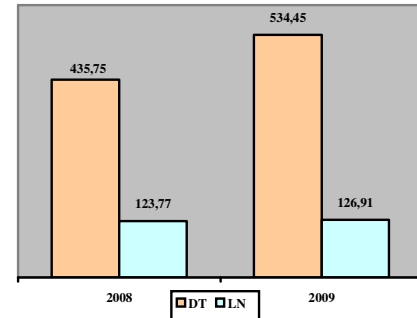
2.1 Hoạt động kinh doanh vận tải:

Sau khi hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác tàu Petrolimex 15, Petrolimex 16 đã góp phần tăng sản lượng, doanh thu vận tải, đặc biệt tàu Petrolimex 16 thực hiện cho thuê tàu trần với giá thuê tốt; các tàu ký hợp đồng thuê định hạn với Tổng công ty vẫn đảm bảo ngày tàu tốt và hoạt động hiệu quả, nguồn hàng ổn định. Tuy nhiên trong

quý 4 thị trường vận tải trầm lắng, các tàu khai thác ngoài không hiệu quả do khó khăn về nguồn hàng và giá cước giảm thấp, thời gian chờ tàu dài, đặc biệt tàu Petrolimex 10 (chờ hàng 25 ngày) và tàu Petrolimex 02 (chỉ đạt 295 ngày vận doanh), cũng trong quý 4 Công ty đã tiến hành đầu tư thêm trang thiết bị phụ tùng cho tàu Petrolimex 15, Petrolimex 16.

Đ/v: Tỷ đồng

	Năm 2008	Năm 2009	So với (%)	
			KH 2009	TH 2008
Doanh thu	435,745	534,448	101,61	122,65
Lợi nhuận	123,766	126,907	115,40	102,54

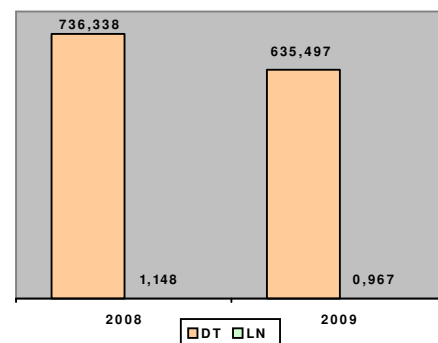


2.2 Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Từ đầu năm 2009, hai công ty VIPCO Hải Phòng, VIPCO Hạ Long trực tiếp ký hợp đồng tổng đại lý với Công ty xăng dầu KV3, Công ty xăng dầu B12 nên có điều kiện chủ động hơn trong việc tổ chức tạo nguồn hàng và tổ chức bán hàng; Từ quý 2/2009 sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế giảm bớt, nền kinh tế nước ta dần ổn định, Nhà nước có cơ chế cho các Công ty vận tải biển có tàu chạy tuyến nước ngoài được mua xăng dầu theo phương thức tạm nhập tái xuất; đồng thời VIPCO Hải Phòng, VIPCO Hạ Long đã có nhiều biện pháp trong việc tiếp thị, tìm kiếm khách hàng mới, nâng cao uy tín, thương hiệu và chất lượng dịch vụ cung ứng, duy trì và mở rộng thị phần truyền thống tại Hải Phòng, Quảng Ninh nên sản lượng bán và doanh thu vượt kế hoạch cả năm, tuy nhiên lợi nhuận rất thấp, nguyên nhân chính do hoa hồng bán tái xuất thấp chỉ đủ bù đắp chi phí.

Đ/v: Tỷ đồng

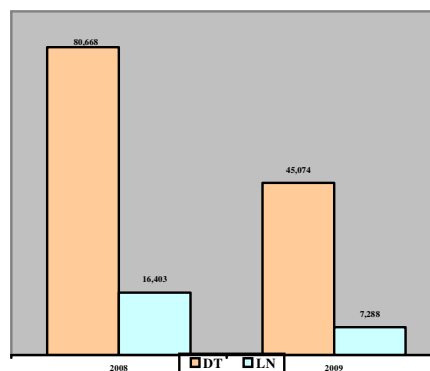
	Năm 2008	Năm 2009	So với (%)	
			KH 2009	TH 2008
Doanh thu	736,338	635,497	150,54	86,31
Lợi nhuận	1,148	0,967	308,96	84,26



2.3 Kinh doanh bất động sản và các dịch vụ khác:

Đ/v: Tỷ đồng

	Năm 2008	Năm 2009	So với (%)	
			KH 2009	TH 2008
Doanh thu	80,668	45,074	59,71	55,88
Lợi nhuận	16,403	7,288	146,28	44,43



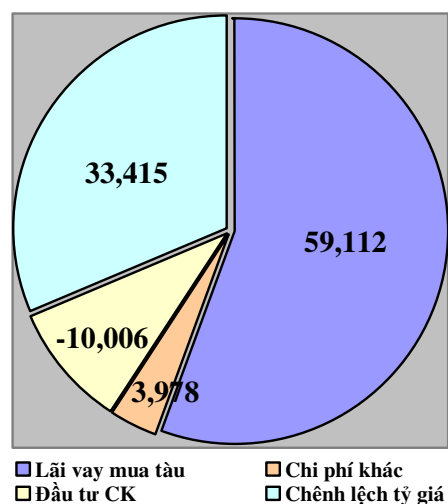
Lợi nhuận bất động sản đạt thấp do Công ty có chủ trương ngừng bán nhà và đất tại dự án Anh Dũng VII.

2.4 Hoạt động tài chính:

Tình hình thị trường tài chính chứng khoán có những chuyển biến tích cực, khủng hoảng tài chính được dự báo đã chạm đáy. Do kịp thời nắm bắt diễn biến của thị trường, trong quý 3, Công ty đã tiến hành thanh khoản những cổ phiếu có lãi, hoàn nhập một số khoản trích lập dự phòng hơn 19 tỷ đồng. Tuy nhiên những tháng cuối năm 2010 có những thay đổi về chính sách vĩ mô, đặc biệt là chính sách tiền tệ, việc ngân hàng nhà nước điều chỉnh tỷ giá hối đoái làm cho Công ty lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện 33.415.359.000 đồng.

Đ/v: Tỷ đồng

Stt	Chi phí tài chính	Giá trị
1	Lãi vay đầu tư tàu + Vay khác:	59,112
2	Lỗ do chênh lệch tỷ giá:	33,415
3	Đầu tư CK:	-10,006
	- Hoàn nhập dự phòng	-19,988
	- Lỗ đầu tư ck	9,982
4	Chi phí tài chính khác	3,978
Tổng Cộng:		86,499



3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

Với những nỗ lực không ngừng và sự đoàn kết, đồng thuận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2009 Công ty đã đạt được những tiến bộ vượt bậc trong công tác quản lý trên các mặt sau:

3.1 Công tác sản xuất kinh doanh:

- Công ty đã có giải pháp tích cực nâng cao chất lượng dịch vụ đội tàu, tăng cường quản lý hao hụt vận tải, mở rộng ra thị trường ngoài Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, thích ứng với điều kiện kinh doanh xăng dầu theo cơ chế cạnh tranh, đặc biệt khi nhà máy lọc dầu Dung Quất chính thức cung cấp sản phẩm.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát từ việc lập kế hoạch đến triển khai thực hiện tất cả các khoản mục chi phí và định mức kinh tế kỹ thuật để thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.

- Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Hệ thống quản lý an toàn và kế hoạch an ninh tàu và cảng theo mô hình tổ chức mới, không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản lý. Thực hiện ISO 9001-2000 và ISO 14000 đối với Công ty mẹ, xây dựng kế hoạch ISO cho các công ty con.

- Có các biện pháp tổ chức lại chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản trị điều hành, thường xuyên kiểm tra giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ.

3.2 Công tác quản lý sử dụng vốn:

- Bằng nhiều giải pháp huy động vốn phù hợp (vay ngân hàng, tìm đối tác liên doanh) đáp ứng nhu cầu đầu tư tàu và các dự án bất động sản, hạ tầng kho cảng, chú trọng nghiệp vụ quản lý khai thác hiệu quả dòng tiền, các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong điều kiện dư vay ngoại tệ cao.

- Tập trung giải quyết một cách tích cực các vướng mắc với các bên liên quan thu hồi các khoản nợ đang tồn đọng.

3.3 Công tác tổ chức - tiền lương:

- Tách biệt chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty. Thực hiện việc giảm kiêm nhiệm trong Ban Tổng giám đốc, đưa lực lượng cán bộ trẻ vào các vị trí để đào tạo; thiết lập các cơ chế đồng bộ và dài hạn cho việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng nhu cầu hiện tại và trong tương lai.

- Đánh giá lại hiệu quả hoạt động và tiềm năng phát triển của các Công ty con, các dự án đầu tư đã và đang triển khai để điều chỉnh định hướng đầu tư phát triển, cấu trúc lại Công ty mẹ-con theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, thuận lợi trong quản lý điều hành.

- Công ty đã giao kế hoạch tiền lương theo đơn giá cho các loại hình kinh doanh thay thế phương thức tiền lương cố định nhằm nâng cao tính chủ động, tạo mặt bằng thu nhập giữa các đơn vị thành viên trên cơ sở hiệu quả kinh doanh.

3.4 Công tác soát xét Điều lệ và các quy chế quản lý:

Công ty đã xây dựng tiến độ thực hiện, phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Chủ tịch các công ty con trong việc triển khai soát xét Điều lệ

và các quy chế quản lý của Công ty mẹ, công ty con. Đến nay, đã hoàn thành rà soát Điều lệ Công ty mẹ, quy chế quản lý tài chính; ban hành quy chế quản lý kế hoạch, quy chế quản lý đầu tư Công ty mẹ và quyết định ban hành Điều lệ các công ty con.

4. Kế hoạch năm 2010:

4.1 Kế hoạch hoạt động trên các lĩnh vực:

a. Kinh doanh vận tải:

- Tiến hành bán tàu Petrolimex 02 và thanh lý hai tàu Hạ Long 03, Hạ Long 04; chủ động khai thác hàng cho tàu Petrolimex 16, Petrolimex 03;

- Xây dựng chi phí cố định và tiết giảm định mức nhiên liệu, chi phí sửa chữa cho các tàu, tính hiệu quả nhanh chuyển đi;

- Rà soát vấn đề hao hụt hàng hóa, quản lý hàng hóa trên các tàu đảm bảo an toàn, hiệu quả.

b. Kinh doanh xăng dầu:

- Thống nhất với Công ty xăng dầu KV3, Công ty xăng dầu B12 và đề nghị Tổng công ty chỉ đạo phí môi giới bán tái xuất. Mở hội nghị bàn về hoạt động kinh doanh xăng dầu trong quý 2/2010;

- Đề nghị Tổng Công ty tăng hoa hồng bán nội địa và tái xuất, đặc biệt là FO do đặc thù bán dưới nước;

- Thực hiện rà soát, tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

c. Kinh doanh bất động sản:

- Tập trung giải quyết các công việc liên quan đưa cao ốc 17 tầng tại 43 Quang Trung vào khai thác từ quý 2/2010;

- Chuẩn bị thiết kế văn phòng tại cao ốc 43 Quang Trung để chuyển dần trụ sở làm việc; làm việc với Sholega để khai thác văn phòng tại 275 Lạch Tray;

- Hoàn thiện một số nhà xây dở, bán nhà và cơ sở hạ tầng dự án Anh Dũng VII khi thuận lợi, tạo vốn cho thực hiện các dự án của Công ty;

- Chuẩn bị năng lực đáp ứng khả năng thi công phần cơ sở hạ tầng Dự án Cảng hóa dầu VIPCO;

- Triển khai xây dựng phần thân cao ốc 37 Phan Bội Châu theo thiết kế và quy định của Công ty;

- Mở rộng Dự án Anh Dũng VII nếu hiệu quả.

d. Kinh doanh dịch vụ:

- Mở rộng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm đại lý, nghiên cứu sử dụng đại lý phụ tại Dung Quất và thành lập chi nhánh nếu đủ điều kiện và hiệu quả;

- Mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu, chuyên khẩu;
- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện các hoạt động dịch vụ khi Cảng hóa dầu - container VIPCO hoạt động vào năm 2011.

e. Về tổ chức - lao động:

- Tiến hành sáp nhập Công ty TNHH VIPCO Thương mại và Công ty TNHH Bất động sản VIPCO trong quý 2/2010; nghiên cứu mô hình 2 Công ty TNHH VIPCO Hải Phòng và Công ty TNHH VIPCO Hạ Long;

- Thực hiện việc giảm kiêm nhiệm trong Ban Tổng giám đốc và Kiểm soát viên các công ty con, đưa lực lượng cán bộ trẻ vào các vị trí để đào tạo;

- Đánh giá lại số lượng và chất lượng lao động, giảm tiếp nhận lao động gián tiếp.

f. Hoạt động đào tạo - cung ứng thuyền viên:

- Chú trọng bồi dưỡng và nâng cao chất lượng SQTV; nâng cao số lượng sỹ quan trẻ, có năng lực và hướng phát triển;

- Mở rộng thị trường cung ứng thuyền viên ngoài Công ty mẹ;

- Chuẩn bị thuyền bộ cho tàu AFRAMAX của Tổng công ty;

- Tăng cường hợp tác với Trường cao đẳng nghề Duyên Hải.

4.2 Kế hoạch tài chính:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2010
1	Tổng sản lượng		
	✓ Sản lượng vận chuyển	M3	4.102.100
	✓ Sản lượng vận chuyển	M3.Km	8.105.541.783
	✓ Sản lượng xuất bán xăng dầu	M3.Tấn	82.190
2	Tổng doanh thu	1.000 đ	1.457.145.267
	✓ Kinh doanh vận tải	nt	618.999.760
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	732.987.620
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	55.429.887
	✓ Hoạt động tài chính	nt	9.200.000
	✓ Thu nhập khác (Thanh lý tàu P2,HL3,4)	nt	40.528.000
3	Giá vốn hàng bán	1.000 đ	746.008.110
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	709.564.930
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	36.443.180
4	Tổng chi phí	1.000 đ	636.920.692
	✓ Kinh doanh vận tải	nt	452.089.989

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2010
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	20.285.768
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	13.922.135
	✓ Hoạt động tài chính	nt	150.622.800
	✓ Chi phí khác	nt	-
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	74.216.465
	✓ Kinh doanh vận tải	nt	166.909.771
	<i>Lợi nhuận trừ lãi vay & chênh lệch t.giá</i>	<i>nt</i>	<i>37.611.971</i>
	✓ Kinh doanh xăng dầu	nt	3.136.922
	✓ Kinh doanh BĐS và hoạt động khác	nt	5.064.572
	✓ Hoạt động tài chính	nt	(141.422.800)
	✓ Lợi nhuận khác	nt	40.528.000
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000 đ	9.690.943
7	Lợi nhuận sau thuế (5-6)	1.000 đ	64.525.523
8	Nộp ngân sách	1.000 đ	34.872.278
9	Tỷ lệ trả cổ tức	%	7

4.3 Kế hoạch đầu tư:

TT	DỰ ÁN	GIÁ TRỊ KHÁI TOÁN (1.000 Đ)	ĐẦU TƯ NĂM 2010 (1.000 Đ)	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ
I	DỰ ÁN NĂM 2009 CHUYỂN SANG	653.165.000	607.332.500	
1	Đầu tư mua 01 tàu dầu trọng tải dưới 30.000 DWT	313.500.000	313.500.000	- Vốn đầu tư Cty - Vốn vay
2	Dự án cụm cảng Hóa dầu Container VIPCO giai đoạn I	252.285.000	198.642.500	- Vốn đầu tư Cty - Vốn phát hành trái phiếu
3	Dự án cao ốc 37 Phan Bội Châu	76.380.000	88.690.000	- Vốn đầu tư Cty - Vốn hợp tác đ/tr - Vốn vay
4	Đóng mới 02 tàu sông 650 tấn	11.000.000	6.500.000	- Vốn đầu tư Cty
II	ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN	-	43.500.000	- Cty Hóa dầu VP - Cty TM VIPCO
TỔNG CỘNG		653.165.000	650.832.500	

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		348.533.404.583	396.754.682.199
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.182.933.447	147.324.528.082
1. Tiền	111	V.01	12.682.933.447	138.324.528.082
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	9.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	6.475.327.402	23.472.328.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.671.521.102	47.657.178.201
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(4.196.193.700)	(24.184.849.401)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		159.298.041.513	99.385.530.363
1. Phải thu của khách hàng	131		67.095.926.401	66.720.003.716
2. Trả trước cho người bán	132		76.736.374.020	19.566.127.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.02a	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	15.465.741.092	13.099.399.520
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		137.195.268.762	95.895.910.731
1. Hàng tồn kho	141	V.04	137.195.268.762	95.895.910.731
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.381.833.459	30.676.384.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.830.596.346	1.378.418.266
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.954.388.236	1.737.304.488
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	59.213.429	49.383.872
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05a	24.537.635.448	27.511.277.597
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		1.885.217.636.304	1.061.311.033.777
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.798.282.954.424	969.938.383.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.670.732.512.394	886.618.850.170
- Nguyên giá	222		2.311.445.519.763	1.386.106.797.186
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(640.713.007.369)	(499.487.947.016)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.660.137.805	4.893.747.019
- Nguyên giá	228		5.879.310.170	5.469.310.170
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(219.172.365)	(575.563.151)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	121.890.304.225	78.425.785.921
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		79.900.245.793	76.794.561.667
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.446.245.793	18.670.561.667
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	61.454.000.000	58.124.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		1.666.666.667	2.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		5.367.769.420	12.078.089.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.14	5.266.592.133	3.801.867.333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.20	-	8.179.555.123
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.14a	101.177.287	96.666.544
Tổng cộng tài sản(270 = 100 + 200)	280		2.233.751.040.887	1.458.065.715.976
NGUỒN VỐN			-	-
A. Nợ phải trả (300= 310+330)	300		1.410.199.116.271	666.343.717.889
I. Nợ ngắn hạn	310		330.519.790.539	173.404.619.048
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	217.942.400.870	104.647.963.390
2. Phải trả người bán	312		58.385.346.118	28.392.148.588
3. Người mua trả tiền trước	313		3.236.853.615	30.672.787
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.656.028.384	6.819.682.426
5. Phải trả người lao động	315		8.920.618.276	13.986.261.484

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chi phí phải trả	316	V.17	13.272.295.737	4.709.417.621
7. Phải trả nội bộ	317	V.17a	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	15.919.310.861	8.227.472.006
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.276.517.028	6.579.637.109
12. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.910.419.650	11.363.637
II. Nợ dài hạn	330		1.079.679.325.732	492.939.098.841
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19a	10.800.000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.079.043.570.425	492.562.104.615
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		624.955.307	376.994.226
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		814.103.754.385	782.678.980.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	814.103.754.385	782.678.980.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		598.077.850.000	598.077.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.633.094.834	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		27.861.784	27.861.784
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	(26.447.861.783)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(558.433.025)	--
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		150.324.667.531	135.987.182.690
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.527.914.287	12.688.361.414
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.070.798.974	62.345.586.808
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
C. Lợi ích của cổ đông thiểu số	500		9.448.170.231	9.043.017.174
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400 + 500)	600		2.233.751.040.887	1.458.065.715.976

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Đvt	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	VNĐ	8.806.201.500	8.354.443.000
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD	308.384	7.015.935
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
TỔNG CỘNG		8.806.509.884	8.361.458.935

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết Minh	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	1	VI.25	1.213.241.163.299	1.256.673.675.283
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26	97.665.000	32.846.500
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	VI.27	1.213.143.498.299	1.256.640.828.783
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.023.624.279.088	1.074.801.050.104
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		189.519.219.211	181.839.778.679
6	Doanh thu về hoạt động tài chính	21	VI.29	13.900.901.846	28.677.268.146
7	Chi phí tài chính	22	VI.30	86.499.606.659	94.360.877.503
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>59.111.913.999</i>	<i>37.099.440.346</i>
8	Chi phí bán hàng	24		16.548.122.689	11.296.180.147
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.832.986.888	28.552.715.755
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		61.539.404.821	76.307.273.420
11	Thu nhập khác	31		1.109.870.864	1.692.062.393
12	Chi phí khác	32		851.901.217	2.639.491.599
13	Lợi nhuận /lỗ khác(40 = 31 - 32)	40		257.969.647	(947.429.206)
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		766.362.919	1.170.561.667
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(60=30+40+50)	60		62.563.737.387	76.530.405.881
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	VI.31	2.431.719.912	4.684.340.609
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	VI.32	8.179.555.123	(4.026.500.624)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập hoãn lại (70= 60 - 61 - 62)	70		51.952.462.352	75.872.565.896
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		405.153.057	283.732.294
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		51.547.309.295	75.588.833.602
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	80		884	1.269

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 (phương pháp gián tiếp):

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu		Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	62.563.737.387	76.530.405.881
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	141.860.756.299	94.204.869.162
-	Các khoản dự phòng	03	(19.988.655.701)	20.412.253.769
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	33.415.359.180	36.500.937.699
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.330.999.604)	(11.134.241.187)
-	Chi phí lãi vay	06	59.111.913.999	37.742.547.048
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	273.632.111.560	253.613.665.670
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(68.454.464.324)	(62.290.242.053)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(41.299.358.031)	(20.620.533.619)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	45.040.086.937	(55.062.995.739)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.086.080.290)	(10.121.853.748)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(51.459.611.751)	(37.099.440.346)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.424.236.305)	(2.824.699.780)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.132.113.272
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.899.897.003)	(93.666.544)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	148.048.550.793	66.632.347.113
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(969.755.529.882)	(66.557.226.790)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	462.257.913	2.812.651.200
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.650.064.050)	(54.317.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	36.305.721.149	64.741.613.378
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(17.500.000.000)
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.977.371.072	10.612.056.782
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(932.660.243.798)	(60.207.905.430)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	32.080.956.617	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(26.447.861.783)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	929.567.145.400	401.711.840.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(263.206.601.290)	(463.542.487.750)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.934.596.000)	(35.862.709.200)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	651.506.904.727	(124.141.218.733)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(133.104.788.278)	(117.716.777.050)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	147.324.528.082	265.048.382.471
Ảnh hưởng của t/đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(36.806.357)	(7.077.339)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.182.933.447	147.324.528.082

4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009; Báo cáo tài chính trước khi hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính trước khi hợp nhất năm 2009. (Theo báo cáo đã gửi cho Sở GD&ĐT TP. HCM).

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

1.1 Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Số 8 - Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3852 4123

Fax: (84-4) 3852 4143

Website: www.deloitte.com/vn

1.2 Ý kiến kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 có ý kiến như sau (nguyên văn báo cáo):

Số: 223 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu VIPCO (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên:

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 25 tháng 02 năm 2009 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến:

Ngoại trừ các hạn chế kiểm toán được nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Công việc của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang theo dõi khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần An Phú với giá gốc là 57.224.000.000 đồng (666.000 cổ phiếu). Do cổ phiếu của Công ty Cổ phần An Phú chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và Công ty cũng không xác định được giá tham khảo một cách đáng tin cậy, theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này. Chúng tôi không thu thập được cơ sở để đánh giá khả năng phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần An Phú nêu trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang theo dõi trên khoản mục “Phải thu khác” khoản ứng trước cho Công ty TNHH Phương Hòa với số tiền là 7.100.340.000 đồng. Khoản ứng trước này để đảm bảo thực hiện các hợp đồng số 01/HĐ/VIPCO-PHOA ngày 02 tháng 10 năm 2007 và số 02/HĐ/VIPCO-PHOA ngày 15 tháng 10 năm 2007 giữa Công ty và Công ty TNHH Phương Hòa về việc Công ty TNHH Phương Hòa sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi bằng ngoại tệ (USD) cho Công ty, thời hạn giải ngân bắt đầu trong năm 2008 và được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo các phụ lục số 01/PLHĐ/VIPCO-PHOA và 02/PLHĐ/VIPCO-PHOA ngày 20 tháng 12 năm 2009. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, chưa có khoản vay nào được giải ngân theo thỏa thuận nêu trên và Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản ứng trước này.

Ý kiến:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt

động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Tại 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đang theo dõi trên khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” khoản ký quỹ vào tài khoản của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phú tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 20.683.000.000 đồng. Kế hoạch thu hồi khoản ký quỹ này được trình bày tại Thuyết minh số 10 của Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

(Đã ký)

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

(Đã ký)

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

*Ngày 2 tháng 4 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.*

1.3 Các nhận xét đặc biệt: Không có

2. Kiểm toán nội bộ:

2.1 Ý kiến kiểm toán nội bộ:

“Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Kiểm toán nội bộ không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO. Các quy trình hoạt động tuân thủ theo các yêu cầu của pháp luật và hệ thống quy chế quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ cơ bản vận hành tốt, phát hiện kịp thời các vấn đề, đề xuất các kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Ban Kiểm toán nội bộ đồng ý với các đánh giá về hoạt động tài chính trong báo cáo của kiểm toán độc lập”.

Ban kiểm toán nội bộ Công ty

2.2 Các nhận xét đặc biệt: Không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

1.1 Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam:

Địa chỉ: Số 1 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.38512603 Fax: 04.38519203

Tỷ lệ nắm giữ: 51% vốn điều lệ

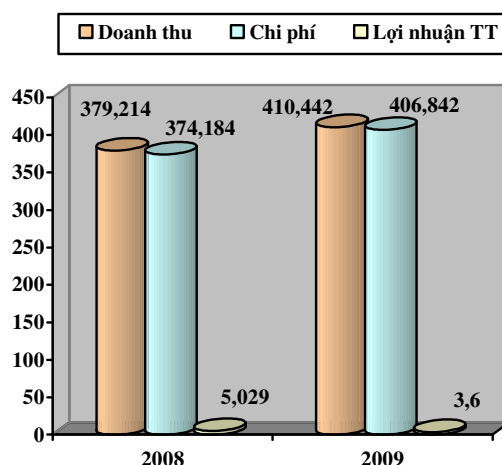
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2009):

2.1 Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hạ Long:

- Địa chỉ: Tổ 6, khu 5, Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033.829 183 Fax : 033.826 016
- E-mail: vipcohalong@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, gas và các thiết bị sử dụng gas; Vận tải thủy, đại lý tàu biển, đại lý vận tải, môi giới hàng hải; Xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị phụ tùng, cung ứng tàu biển, kiểm đếm, khai thuê hải quan; Dịch vụ du lịch và kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Bán buôn phân bón; Cho thuê nhà, văn phòng.
- Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008-2009:

Đ/vị: Tỷ đồng

	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	379,214	410,442	108,24
Tổng chi phí	374,184	406,842	108,73
LN trước thuế	5,029	3,600	71,58

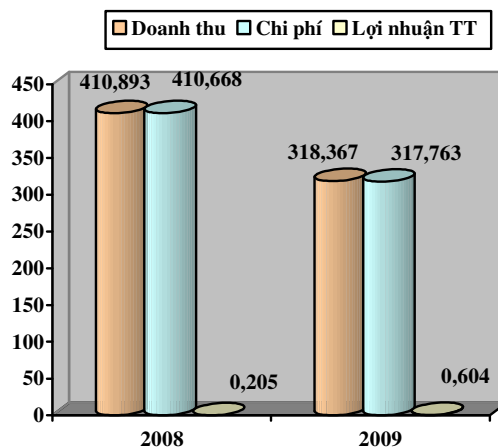


2.2 Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng:

- Địa chỉ: Số 275 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3 838 306 Fax : 031.3 530 977
- E-mail : vipco1@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, gas và các thiết bị sử dụng gas; Vận tải thủy, đại lý tàu biển, đại lý vận tải, môi giới hàng hải, vệ sinh tàu biển; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, phụ tùng; Cung ứng tàu biển, khai thuê hải quan.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008-2009:

Đ/vị : Tỷ đồng

	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	410,893	318,367	77,48
Tổng chi phí	410,668	317,763	77,38
LN trước thuế	0,205	0,604	294,63

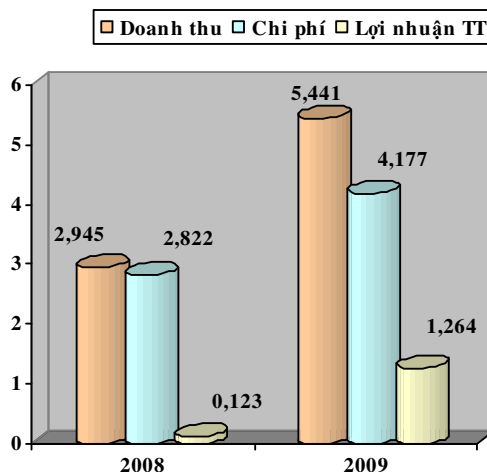


2.3 Công ty TNHH một thành viên Thuyền viên VIPCO:

- Địa chỉ: Số 156/109-Cụm CN Đồng Hoà-Đường Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3 532 006 Fax : 031.3 838 033
- E-mail : vipco2@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê thuyền viên
- Vốn điều lệ: 7.500.000.000 đồng
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008-2009:

Đ/vị: Tỷ đồng

	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	2,945	5,441	184,73
Tổng chi phí	2,822	4,177	148,02
LN trước thuế	0,123	1,264	1027,64



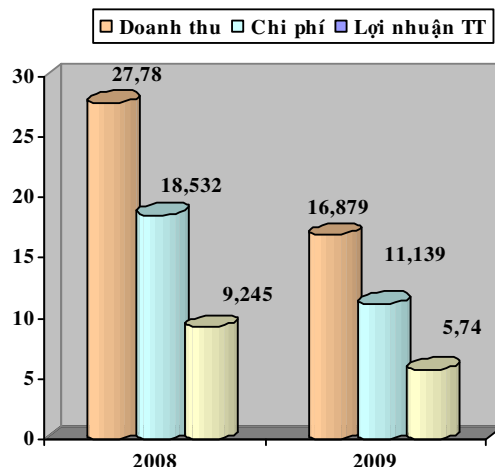
2.4 Công ty TNHH một thành viên Bất động sản VIPCO:

- Địa chỉ: Số 37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3 532 007 Fax : 031.3 838 033
- E-mail : vipco3@vnn.vn
- Ngành nghề kinh doanh: Thiết kế tổng mặt bằng quy hoạch, thiết kế kiến trúc, kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ

- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008-2009:

Đ/vị: Tỷ đồng

	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	27,780	16,879	60,76
Tổng chi phí	18,532	11,139	60,11
LN trước thuế	9,245	5,740	62,09

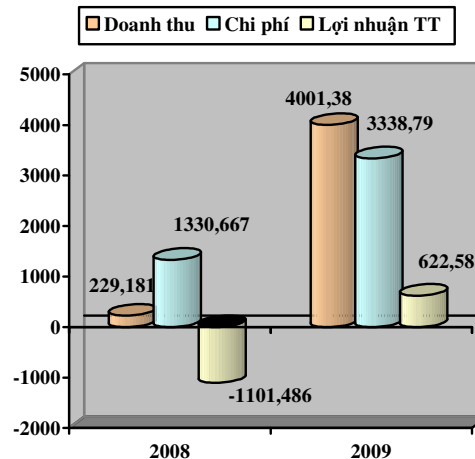


2.5 Công ty TNHH một thành viên Thương mại VIPCO:

- Địa chỉ: Số 43 Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3530542 Fax: 031.3838033
- E-mail: tmvipco@gmail.com
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê văn phòng; Khách sạn, nhà hàng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
Trong đó: 100 % vốn của Công ty mẹ
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008-2009:

Đ/vị: triệu đồng

	Năm 2008	Năm 2009	% so với 2008
Tổng doanh thu	229,181	4.001,38	1745,95
Tổng chi phí	1.330,667	3.338,79	250,91
LN trước thuế	(1.101,49)	622,58	(56,52)



VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các Phòng/ban.

1.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyết định bộ máy tổ chức và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

1.2 Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị là tổ chức quản trị cao nhất của Công ty do ĐHCĐ bầu ra gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 năm. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty.

- Các thành viên Hội đồng quản trị sẽ bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Hội đồng quản trị thành lập Ban Tổng hợp HĐQT nhằm tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị thực hiện chức năng tổ chức và quản lý mọi hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.3 Ban kiểm soát:

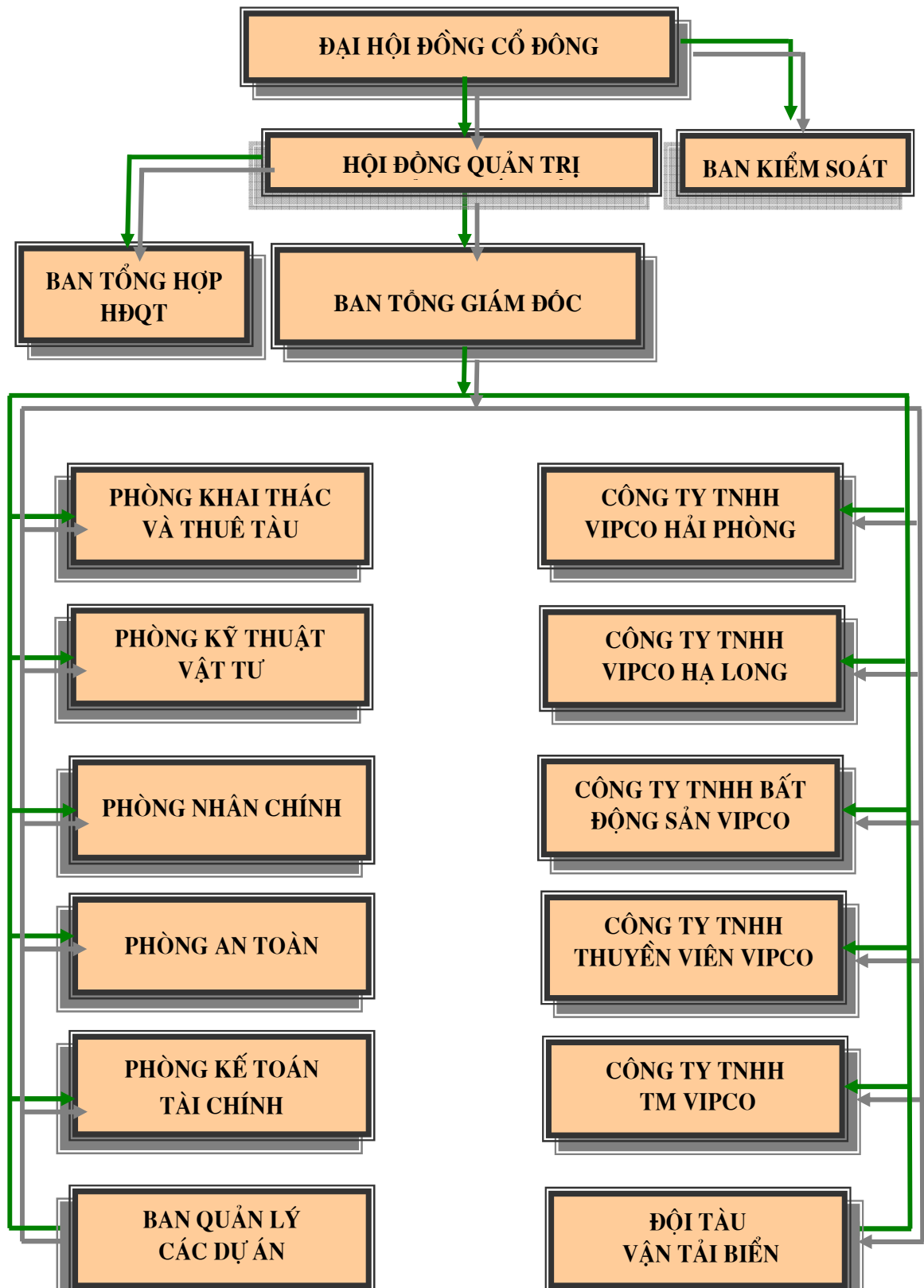
Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban kiểm soát Công ty hiện tại gồm 02 thành viên với nhiệm kỳ tối đa là 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra (01 thành viên xin từ nhiệm từ ngày 22/3/2010).

1.4 Ban điều hành:

- Ban điều hành hiện tại của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và các Trưởng phòng/Ban. (07 Phòng, Ban).

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm với nhiệm kỳ 04 năm, là người chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC HIỆN TẠI:



2. Ban Tổng giám đốc điều hành:

- Ban Tổng giám đốc điều hành có 05 thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty.

- Thành viên Ban Tổng giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Vũ Ngọc Kháu	Tổng giám đốc	01/4/2009	Thành viên HĐQT
Ông Ngô Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	26/12/2005	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Quang Khánh	Phó Tổng giám đốc	01/7/2009	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng giám đốc	26/12/2005	
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc	01/4/2010	

- Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng giám đốc:

a) Tổng giám đốc - ÔNG VŨ NGỌC KHÁU

Họ và tên: **VŨ NGỌC KHÁU**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/04/1952

Nơi sinh: Tam Hưng, Thủy Nguyên, Hải Phòng

CMND: Số 030944509, Ngày cấp: 17/11/1990, Nơi cấp: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 17/47 Lê Lai, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số ĐT liên lạc: 031.3838815

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương, Cử nhân Anh văn

Quá trình công tác:

+ Từ 01/1972 - 11/1975: Bộ đội thuộc các Trung đoàn 6 - BTL 350

+ Từ 12/1975 - 09/1978: Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội

+ Từ 10/1978 - 08/1984: Giáo viên Trung tâm Ngoại ngữ Hải Phòng

+ Từ 09/1984 - 12/1993: Phiên dịch viên, cán bộ kinh doanh Công ty Vận

	tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 01/1994 - 04/2001:	Phó phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 05/2001 - 12/2005:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I
+ Từ 01/2006 - 03/2009:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2009 - nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):</i>	56.743 cổ phần, chiếm 0,095% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	56.743 cổ phần, chiếm 0,095% vốn điều lệ

b) Phó Tổng giám đốc - ÔNG NGÔ QUANG TRUNG

<i>Họ và tên:</i>	NGÔ QUANG TRUNG
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	13/10/1954
<i>Nơi sinh:</i>	Sơn Hải, Quỳnh Lưu, Nghệ An
<i>CMND:</i>	Số 030205303, Ngày cấp 30/5/2003, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 183 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3838835
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư vỏ tàu thủy
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 12/1971 - 11/1977:	Bộ đội, E9, Đoàn La Ngà Quân khu 9
+ Từ 08/1977 - 06/1983:	Sinh viên Trường Đại học Giao thông đường thuỷ Hải Phòng

+ Từ 07/1983 - 05/1988:	Cán bộ kỹ thuật Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 06/1988 - 10/1998:	Trưởng Ban kỹ thuật, Giám đốc Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà - Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I (từ tháng 4/1992)
+ Từ 10/1998 - 12/2000:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I - Giám đốc Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà.
+ Từ 01/2001 - 03/2003:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 04/2003 - 05/2004:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I; Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hải Phòng
+ Từ 06/2004 - 12/2005:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2006 - nay:	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Hóa dầu VP
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):</i>	47.286 cổ phần, chiếm 0,079% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	47.286 cổ phần, chiếm 0,079% vốn điều lệ

c) Phó Tổng giám đốc - ÔNG VŨ QUANG KHÁNH

<i>Họ và tên:</i>	VŨ QUANG KHÁNH
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	29/10/1962
<i>Nơi sinh:</i>	Xã Phương Định, Trục Ninh, Nam Định
<i>CMND:</i>	Số 031634188, Ngày cấp: 14/03/2007, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh

Địa chỉ thường trú: 1/1A-174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số ĐT liên lạc: 031.838836

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông; Cử nhân kinh tế thương mại

Quá trình công tác:

+ *Từ 09/1988 - 06/1994:* Cán bộ phòng kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I

+ *Từ 07/1994 - 02/1996:* Phó phòng kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I

+ *Từ 03/1996 - 10/1999:* Trưởng phòng kế toán Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I

+ *Từ 11/1999 - 12/2005 :* Kế toán trưởng Công ty Vận tải Xăng dầu đường thuỷ I; Thành viên HĐQT Công ty PTS Hải Phòng từ năm 2001 - 2003; Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng từ năm 2003.

+ *Từ 01/2006 -06/2009:* Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;

+ *Từ 07/2009 - nay:* Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO;

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng

Số CP nắm giữ: (tại thời điểm 31/3/2010): 13.286 cổ phần, chiếm 0,022 % vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 13.286 cổ phần, chiếm 0,022% vốn điều lệ

d) Phó Tổng giám đốc - ÔNG NGUYỄN VĂN TÁM

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÁM

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1954

Nơi sinh: Mê Linh, Lê Chân, Hải Phòng

<i>CMND:</i>	Số 030984442, Ngày cấp: 15/09/1993, Nơi cấp: Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 6/47 Nguyễn Hữu Tuệ, Ngô Quyền, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3530556
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ <i>Từ 04/1972 - 11/1976:</i>	Phục vụ trong quân đội
+ <i>Từ 12/1977 - 12/1982:</i>	Sinh viên Đại học Giao thông đường thủy Hải Phòng
+ <i>Từ 12/1983 - 02/1988:</i>	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 03/1988 - 09/1996:</i>	Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 10/1996 - 01/2004:</i>	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 02/2004 - 12/2005:</i>	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ <i>Từ 01/2006 - nay:</i>	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Phó Tổng Giám đốc
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2010):</i>	17.198 cổ phần, chiếm 0,029 % vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	17.198 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ

e) Phó Tổng giám đốc - ÔNG PHẠM VĂN VINH

Họ và tên: **PHẠM VĂN VINH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/05/1955

Nơi sinh: Xã Đông Sơn, Thủy Nguyên, Hải Phòng

CMND: Số 030699600, Ngày cấp: 21/11/2006, Nơi cấp: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 6A2 ngõ 19/5 Lê Thánh Tông, Hải Phòng

Số ĐT liên lạc: 031.3838453

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lực tàu thủy

Quá trình công tác:

+ *Từ 01/1980 - 04/1982:* Thợ máy tàu biển Biển Đông, Viện nghiên cứu Hải sản

+ *Từ 05/1982 - 12/1993:* Kỹ sư, Cán bộ kỹ thuật phòng Kỹ thuật Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I

+ *Từ 01/1994 - 06/2002:* Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I

+ *Từ 07/2002 - 12/2005:* Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I

+ *Từ 01/2006 -03/2010:* Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

+ *Từ 04/2010 -nay:* Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010): 72.420 cổ phần, chiếm 0,121% vốn điều lệ

+ *Đại diện sở hữu:* 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ *Cá nhân sở hữu:* 72.420 cổ phần, chiếm 0,121% vốn điều lệ

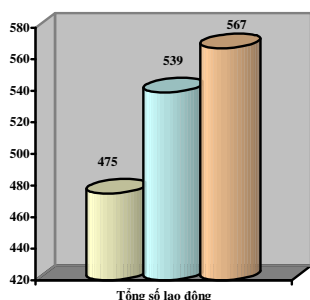
3. Thay đổi Tổng giám đốc điều hành trong năm:

Ngày 31/3/2009, Hội đồng quản trị Công ty có quyết định số 75/VP-QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm Ông Vũ Ngọc Kháu giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty thay cho Ông Nguyễn Đạo Thịnh thôi giữ chức Tổng giám đốc để đảm nhiệm Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách.

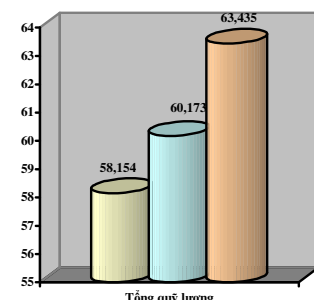
4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

4.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

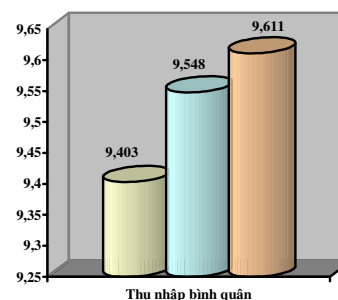
Stt	Các chỉ tiêu chính	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Tổng số lao động (Người)	475	539	567
2	Tổng quỹ lương thực hiện (Tỷ đồng)	58,154	60,173	63,435
3	Thu nhập bình quân (Triệu đ/người/tháng)	9,403	9,528	9,611



□ 2007 □ 2008 □ 2009



□ 2007 □ 2008 □ 2009



□ 2007 □ 2008 □ 2009

Biểu đồ lao động, quỹ lương, thu nhập bình quân từ năm 2007 đến năm 2009

4.2 Chính sách đối với người lao động:

a. Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

☀️ Tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

☀ Chính sách thu hút nhân tài:

Công ty dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho công ty.

☀ Đào tạo:

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho CBNV thông qua thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

b. Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi:

☀ Chính sách lương:

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

☀ Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên CBNV trong công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

☀ Tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên:

Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, CBNV Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, Tết.

5. Thay đổi thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

- *Thành viên Hội đồng quản trị:* Chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của Ông Phan Minh Tuấn; Bỏ nhiệm Ông Nguyễn Quang Định tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

- *Ban Tổng giám đốc:*

+ Bỏ nhiệm Ông Vũ Ngọc Kháu - nguyên Phó Tổng giám đốc Công ty, giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/4/2009.

+ Bỏ nhiệm Ông Vũ Quang Khánh - nguyên Kế toán trưởng, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/7/2009.

+ Bỏ nhiệm Ông Phạm Văn Vinh - nguyên Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư, giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty từ ngày 01/4/2010.

- *Kế toán trưởng:*

Bỏ nhiệm Ông Mai Thế Cung - nguyên Phó phòng Kế toán tài chính giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/7/2009.

6. Thay đổi Ban kiểm soát:

Ngày 22/3/2010, Ban kiểm soát Công ty đã chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Ông Phạm Văn Vinh.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị công ty có 07 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm trong nhiệm kỳ 05 năm. Các thành viên HĐQT đã thực thi nhiệm vụ của mình với tình thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời theo phương thức vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Trong năm 2009, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư...vv.

- Thành phần Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch	02/12/2005	Độc lập không điều hành
Ông Ngô Quang Trung	Phó Chủ tịch	26/03/2007	
Ông Vũ Ngọc Kháu	Thành viên	02/12/2005	
Ông Vũ Quang Khánh	Thành viên	02/12/2005	
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	02/12/2005	Độc lập không điều hành
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên	02/12/2005	Độc lập không điều hành
Ông Nguyễn Quang Định	Thành viên	19/08/2009	Độc lập không điều hành

- Tóm tắt lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT - ÔNG NGUYỄN ĐẠO THỊNH

Họ và tên:

NGUYỄN ĐẠO THỊNH

Giới tính:

Nam

Ngày tháng năm sinh:

19/10/1952

Nơi sinh:

Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

CMND:

Số 030107693, Ngày cấp 07/12/2007, Nơi cấp:
Hải Phòng

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 1/186 Đàm Trung, Văn Cao, Ngô Quyền, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3838607
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 04/1975 - 08/1980:	Cán bộ kế hoạch Công ty Vận tải biển Việt Nam
+ Từ 09/1980 - 01/1988:	Phó phòng, Trưởng phòng kinh doanh Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 02/1988 - 12/2000:	Phó Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2001 - 02/2003:	Giám đốc Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I, Chủ tịch HĐQT Công ty PTS Hải Phòng
+ Từ 03/2003 - 12/2005:	Giám đốc Cty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2006 - 3/2009:	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ tháng 4/2009 - Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Chủ tịch HĐQT
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):</i>	30.568.854 cổ phần, chiếm 51,111 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	30.503.304 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	65.550 cổ phần, chiếm 0,110% vốn điều lệ

b) Thành viên HĐQT - ÔNG LÊ THANH HẢI

<i>Họ và tên:</i>	LÊ THANH HẢI
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	07/09/1957
<i>Nơi sinh:</i>	Xã Kiến Thiết, Tiên Lãng, Hải Phòng
<i>CMND:</i>	Số 030871202, Ngày cấp: 12/07/2002, Nơi cấp:

	Hải Phòng
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 89 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	031.3838306
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 11/1973 - 10/1983:	Bộ đội Thiếu úy D33 Quân khu 3
+ Từ 11/1983 - 01/1989:	Sở Công an Thành phố
+ Từ 02/1989 - 12/1998:	Thủy thủ tàu biển, tàu sông Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/1999 - 10/2003:	Cửa hàng phó cửa hàng xăng dầu Sông Cấm Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I
+ Từ 11/2003 - 12/2005:	Cửa hàng trưởng Cửa hàng Xăng dầu Sông Cấm Công ty Vận tải Xăng dầu đường thủy I; Thành viên HĐQT Công ty PTS Hải Phòng
+ Từ 01/2006 - 03/2006:	Thành viên HĐQT; Cửa hàng trưởng Cửa hàng Xăng dầu Sông Cấm-Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO; Thành viên HĐQT Công ty PTS Hải Phòng.
+ Từ 04/2006 - nay:	Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng;
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên HĐQT
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Thành viên HĐQT Công ty CP PTS Hải Phòng
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):</i>	24.120 cổ phần, chiếm 0,040 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	24.120 cổ phần, chiếm 0,040% vốn điều lệ

c) Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN ANH DŨNG

<i>Họ và tên:</i>	NGUYỄN ANH DŨNG
<i>Giới tính:</i>	Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/12/1971
 Nơi sinh: Tiên Kiên, Lâm Thao, Phú Thọ
 CMND/Hộ chiếu: Số PTA1127557A, Ngày cấp 10/5/2004, Nơi cấp: Cục QL Xuất nhập cảnh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Nhà 39 E2 Tập thể Đại học thương mại, Hà Nội
 Số ĐT liên lạc: 04.5622791
 Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
 Quá trình công tác:
 + Từ 1999 - 04/2005: Phó Chánh văn phòng, Phó Phòng Gas, Phó Phòng Tài chính, Phó Phòng Xuất nhập khẩu Petrolimex
 + Từ 05/2005 - 12/2005: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.
 + Từ 01/2006 - nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.a
 Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
 Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex
 Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010): 3.461.349 cổ phần, chiếm 5,787 % vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu: 3.461.349 cổ phần, chiếm 5,787% vốn điều lệ
 + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

d) Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN QUANG ĐỊNH

Họ và tên: NGUYỄN QUANG ĐỊNH
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 28/11/1974
 Nơi sinh: Nam Định
 CMND/Hộ chiếu: Số B0670200, Ngày cấp: 15/9/2006, Nơi cấp: Cục QLXNC Bộ Công An

<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc:</i>	Kinh
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	A14 Lô 12 Khu Đô thị mới Định Công, Hà Nội
<i>Số ĐT liên lạc:</i>	04.3281 1298
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học chuyên ngành Kế Toán
<i>Quá trình công tác:</i>	
+ Từ 1991 - 1995	Sinh viên Học viện Tài Chính Kế toán.
+ Từ 09/1995 - 05/1997	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.
+ Từ 06/1997 - 12/1997	Thực tập tại Công ty liên doanh BP Petco
+ Từ 01/1998 - 04/2004	Kế toán trưởng Công ty liên doanh BP Petco.
+ Từ 05/2004 - 07/2005	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam.
+ Từ 08/2005 - 07/2009:	Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank).
+ Từ 08/2009 - nay:	Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank). Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Thành viên HĐQT.
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank).
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
e) Phó Chủ tịch HĐQT - ÔNG NGÔ QUANG TRUNG (như mục 2.b phần VII)	
f) Thành viên HĐQT - ÔNG VŨ NGỌC KHÁU (như mục 2.a phần VII)	
g) Thành viên HĐQT - ÔNG VŨ QUANG KHÁNH (như mục 2.c phần VII)	

1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009:

a. Tổng kết các cuộc họp năm 2009:

Trong năm 2009 Hội đồng quản trị đã tiến hành 10 phiên họp để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Đặt tên cho hai tàu mới đầu tư là Petrolimex 15 và Petrolimex 16;
- Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2008, điều động quỹ cho các Công ty con;
- Vay vốn để đầu tư phát triển Công ty và đầu tư dự án Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải;
- Chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Phạm Minh Tuấn; bổ nhiệm Ông Nguyễn Quang Định tham gia thành viên HĐQT, Ông Vũ Quang Khánh, Ông Phạm Văn Vinh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty và Ông Mai Thế Cung giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty;
- Triển khai hoạt động quan hệ công chúng (PR) và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO tại Công ty mẹ và Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO;
- Xem xét xây dựng đề án tái cấu trúc Công ty; nghiên cứu mô hình Kiểm soát viên tại các công ty con;
- Thông qua một số nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty mẹ, ban hành Điều lệ công ty con;
- Bán 1.139.540 cổ phiếu quỹ;
- Điều chỉnh kế hoạch năm 2009;
- Đầu tư tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Thuyền viên VIPCO từ 05 tỷ đồng lên 7,5 tỷ đồng.
- Sáp nhập Ban kiểm toán nội bộ vào Ban Tổng hợp HĐQT; thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Tổng hợp HĐQT.

b. Công tác giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

- Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các quy chế, cơ chế và công tác điều hành; đồng thời điều chỉnh những điểm chưa phù hợp, sai sót trong quá trình thực hiện. Về cơ bản các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện với nỗ lực cao.

- Tiếp tục chỉ đạo Chủ tịch các công ty thành viên xây dựng hệ thống Quy chế quản lý phù hợp với Quy chế của Công ty mẹ và điều lệ công ty con.

2. Ban Kiểm soát Công ty:

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 02 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
Ông Lê Đức Bình	Trưởng ban	25/03/2009	Độc lập không điều hành
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên	11/4/2008	

- Tóm tắt lý lịch Ban kiểm soát:

a) Trưởng Ban kiểm soát - ÔNG LÊ ĐỨC BÌNH

Họ và tên: **LÊ ĐỨC BÌNH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/10/1968

Nơi sinh: Phù Khê, Tiên Sơn, Bắc Ninh

CMND: Số 031083642, Ngày cấp: 10/10/1996, Nơi cấp: Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 1Đ/68 Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Số ĐT liên lạc: 031.3532 007

Trình độ chuyên môn: Kế toán Công nghiệp-Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

+ Từ 10/1989 - 05/1996: Nhân viên Kế toán- Công ty máy Hải Phòng.

+ Từ 06/1996 - 02/1998: Nhân viên Kế toán- Phòng Kế toán- Tài vụ- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.

+ Từ 03/1998 - 10/1999: Phó trưởng phòng Kế toán- Tài vụ- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.

+ Từ 11/1999 - 09/2003 : Phó Giám đốc Chi nhánh- Kiêm trưởng phòng Kinh doanh- Tổng hợp Chi nhánh Quảng Ninh thuộc Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.

+ Từ 10/2003 -12/2004: Phó Trưởng Ban điều hành dự án- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.

+ Từ 01/2005 -12/2005: Phó Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh bất động sản- Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I.

+ Từ 01/2006 -03/2006: Phó Ban dự án- Công ty CP vận tải xăng dầu

	VIPCO.
+ Từ 04/2006 -12/2006:	Giám đốc Chi nhánh VIPCO Anh Dũng- Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
+ Từ 01/2007 -02/2009:	Giám đốc Công ty TNHH một thành viên bất động sản VIPCO thuộc Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO.
+ Từ 03/2009 - nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:	Trưởng Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):	38.000 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	38.000 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ

b) Thành viên Ban kiểm soát: ÔNG NGUYỄN ĐÌNH THANH

Họ và tên:	NGUYỄN ĐÌNH THANH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/05/1976
Nơi sinh:	Xã Quảng Lộc, Quảng Xương, Thanh Hóa.
CMND:	Số 171611357, Ngày cấp: 22/03/1994, Nơi cấp: Thanh Hóa
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 12/11 Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng.
Số ĐT liên lạc:	031.3838267
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 03/1999 - 12/2000	Nhân viên thống kê tổng hợp phòng Kỹ thuật - XN sửa chữa tàu Hồng Hà - thuộc Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2001 - 06/2002	Chuyên viên phòng Kỹ thuật-Sản xuất,Tổ chức - Hành chính Công ty CP vận tải & dịch vụ PETROLIMEX Hải Phòng

+ Từ 06/2002 - 09/2004	Cán bộ Thường trực giúp việc HĐQT Công ty CP vận tải & dịch vụ PETROLIMEX Hải Phòng
+ Từ 10/2004 - 09/2005	Trưởng Văn phòng đại diện Công ty TNHH Thiện Vương tại Hải Phòng
+ Từ 10/2005 - 12/2005	Chuyên viên phòng Tổ chức- Tiền lương Công ty vận tải xăng dầu đường thủy I
+ Từ 01/2006 - nay	Phụ trách, Trưởng ban Tổng hợp Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2007 - nay	Thư ký Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
+ Từ 04/2008 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP vận tải xăng dầu VIPCO
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết:</i>	Trưởng Ban Tổng hợp, Thư ký Công ty, Thành viên Ban kiểm soát
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:</i>	Không
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 31/3/2010):</i>	52.713 cổ phần, chiếm 0,088% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	52.713 cổ phần, chiếm 0,088% vốn điều lệ

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2008 đã tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, Ban kiểm soát với cơ cấu gồm 03 thành viên trong đó Trưởng ban kiểm soát hoạt động theo hình thức chuyên trách. Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp tiến hành bầu trưởng ban hoạt động theo hình thức chuyên trách, phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

- Ban kiểm soát đã lập kế hoạch hoạt động, kế hoạch kiểm tra định kỳ 6 tháng tại Công ty mẹ và các công ty thành viên. Soát xét báo cáo tài chính, công tác xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm của các đơn vị.

- Trong năm 2009 Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, quá trình hoạt động của Ban kiểm soát luôn tuân thủ đúng Điều lệ, Quy chế quản lý của Công ty. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị Công ty, tham gia góp ý hoàn thiện sửa đổi bổ xung Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, điều lệ của các công ty thành viên.

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm soát các hoạt động và việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện soát xét, kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm của các đơn vị thành viên cũng như toàn hệ thống VIPCO.

- Xem xét thư quản lý của Kiểm toán độc lập, tham gia góp ý cùng ban điều hành công ty.

3. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty trong năm 2010:

- Tiếp tục tăng số lượng thành viên chuyên trách, độc lập không điều hành. Tạo mọi điều kiện để phát huy hơn nữa vai trò của các thành viên độc lập trong HĐQT.

- Thường xuyên trao đổi với Ban kiểm soát về mọi vấn đề trong tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hoàn thiện chiến lược và kế hoạch tài chính dài hạn, minh bạch làm cơ sở tin cậy cho các nhà đầu tư, các đối tác tài chính.

- Xây dựng cơ cấu quản lý công ty theo hướng tăng cường trách nhiệm trực tiếp và giảm tối đa cấp trung gian, tinh gọn bộ máy các phòng ban.

- Duy trì công bố thông tin đúng quy định, tăng cường thông tin hai chiều với cổ đông.

- Cải tiến, ban hành những chính sách nhân viên mới nhằm thúc đẩy kết quả làm việc của mỗi cá nhân, gắn liền với mục tiêu hoạt động của Công ty.

4. Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2009:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 ngày 25/03/2009 và biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2009 Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 1.526.220.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm hai sáu triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*) trong đó:

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là: 1.107.900.000 đồng.
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát là: 418.320.000 đồng.

5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ (theo danh sách chốt ngày 31/3/2010):

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2008		Năm 2009	
			Số lượng (Cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số lượng (Cp)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Hội đồng quản trị:						
1	Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch	55.550	0,093	65.550	0,110
	<i>Đại diện cho: Tổng Công ty Xăng dầu VN</i>		30.503.304	51,00	30.503.304	51,00
2	Ngô Quang Trung	Phó Chủ tịch	47.286	0,079	47.286	0,079
3	Vũ Ngọc Kháu	Thành viên	56.743	0,095	56.743	0,095
4	Vũ Quang Khánh	Thành viên	38.286	0,064	13.286	0,022
5	Lê Thanh Hải	Thành viên	24.120	0,040	24.120	0,040
6	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	0	0	0	0
	<i>Đại diện cho: Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex</i>		3.461.349	5,787	3.461.349	5,787
7	Nguyễn Quang Định	Thành viên	0	0	0	0
Ban Tổng giám đốc:						
1	Vũ Ngọc Kháu	Tổng Giám đốc	56.743	0,095	56.743	0,095
2	Ngô Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	47.286	0,079	47.286	0,079
3	Vũ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	38.286	0,064	13.286	0,022
4	Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc	17.198	0,029	17.198	0,029
5	Phạm Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc	72.420	0,121	72.420	0,121
Ban kiểm soát:						
1	Lê Đức Bình	Trưởng ban	0	0	38.000	0,064
2	Nguyễn Đình Thanh	Thành viên	52.713	0,088	52.713	0,088
Kế toán trưởng:						
1	Mai Thế Cung	Kế toán trưởng	35.102	0,059	35.102	0,059

7. Thông tin về chuyển nhượng cổ phần của người liên quan đến cổ đông nội bộ (theo danh sách chốt ngày 31/3/2010):

Stt	Họ và tên	Chức vụ/ Quan hệ	Năm 2008		Năm 2009	
			Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)
<i>I. Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT:</i>						
1	Nguyễn Đạo Thịnh	Chủ tịch	55.550	0,093	65.550	0,110
1.1	Lê Thị Huấn	Vợ	25.000	0,042	35.000	0,059
1.2	Nguyễn Quang Minh	Con	5.109	0,009	9.999	0,017
1.3	Nguyễn Quang Hòa	Con	22.520	0,038	22.520	0,038
2	Ngô Quang Trung	Phó Chủ tịch	47.286	0,079	47.286	0,079
2.1	Vũ Thị Dung	Vợ	11.457	0,019	11.457	0,019
3	Vũ Ngọc Kháu	Thành viên	56.743	0,095	56.743	0,095
3.1	Vũ Ngọc Thanh	Em	42.600	0,071	42.600	0,071
4	Vũ Quang Khánh	Thành viên	38.286	0,064	13.286	0,022
4.1	Nguyễn Thị Ánh Hường	Vợ	14.938	0,025	938	0,002
5	Lê Thanh Hải	Thành viên	24.120	0,040	24.120	0,040
5.1	Lê Trung Tấn	Em	9.372	0,016	2	0,000
<i>II. Người có liên quan của cổ đông nội bộ là thành viên Ban Tổng giám đốc:</i>						
1	Vũ Ngọc Kháu	Tổng giám đốc	56.743	0,095	56.743	0,095
1.1	Vũ Ngọc Thanh	Em	42.600	0,071	42.600	0,071
2	Ngô Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	47.286	0,079	47.286	0,079
2.1	Vũ Thị Dung	Vợ	11.457	0,019	11.457	0,019
3	Vũ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	38.286	0,064	13.286	0,022
3.1	Nguyễn Thị Ánh Hường	Vợ	14.938	0,025	938	0,002
4	Nguyễn Văn Tám	Phó Tổng Giám đốc	17.198	0,029	17.198	0,029
4.1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Em	17.430	0,029	23.900	0,040
4.2	Nguyễn Văn Toán	Em	6.475	0,011	3.475	0,006
5	Phạm Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc	72.420	0,121	72.420	0,121

Stt	Họ và tên	Chức vụ/ Quan hệ	Năm 2008		Năm 2009	
			Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)	Số lượng (Cp)	Tỷ lệ năm giữ (%)
5.1	Phạm Văn Bách	Con	5.000	0,008	5.000	0,008

7. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 31/3/2010):

7.1 Cổ đông trong nước:

a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Năm 2008		Năm 2009	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	37.922.797	63,41	34.921.029	58,39
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	33.964.653	56,79	33.964.653	56,79
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	3.958.144	6,62	956.376	1,59
2	Cổ đông cá nhân	16.252.890	27,17	12.860.733	21,50
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	16.252.890	27,17	12.860.733	21,50
Tổng cộng		54.175.687	90,58	47.781.762	79,89

b. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty xăng dầu Việt Nam	109911	Số 1 Khâm Thiên - Hà Nội	30.503.304	51,00
2	Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	60256	532 Đường Láng, Đống Đa - Hà Nội	3.461.349	5,79
Tổng cộng				33.938.893	56,79

7.2 Cổ đông nước ngoài:

a. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Danh mục	Năm 2008		Năm 2009	
		Cổ phiếu	Tỷ Lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ Lệ (%)
1	Cổ đông Tổ chức	5.422.883	9,07	11.836.454	19,79
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	5.422.883	9,07	11.836.454	19,79

Stt	Danh mục	Năm 2008		Năm 2009	
		Cổ phiếu	Tỷ Lệ (%)	Cổ phiếu	Tỷ Lệ (%)
2	Cổ đông cá nhân	209.215	0,35	189.569	0,32
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	209.215	0,35	189.569	0,32
	Tổng cộng	56.320.980	9,42	12.026.023	20,11

b. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK TP.HCM

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ĐẠO THỊNH
(Đã ký)